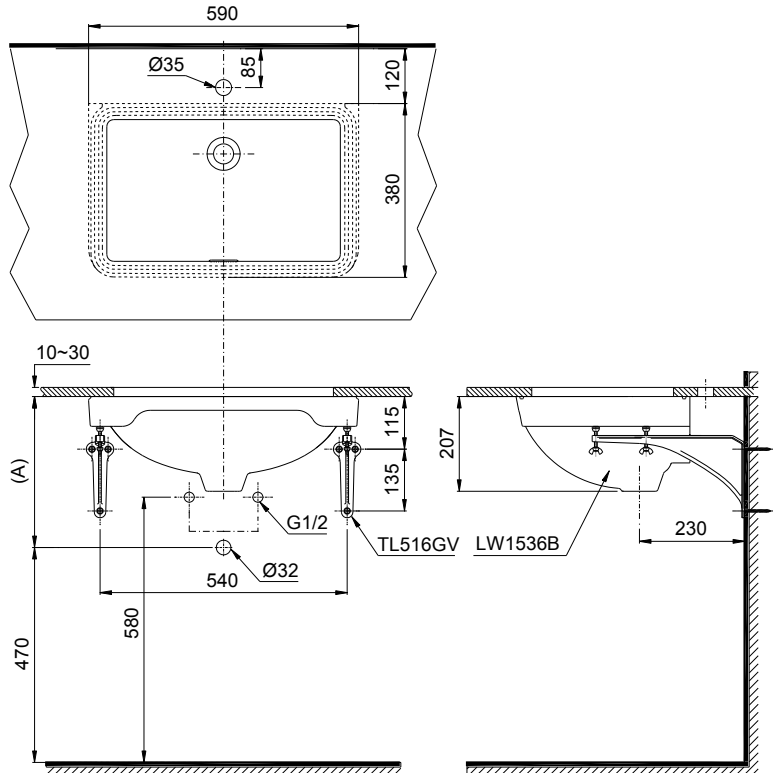


Under Counter Lavatory Chậu đặt âm bàn



LW1536V



Features Đặc điểm

- Simple, elegant styling
Thiết kế đơn giản, trang nhã
- Under counter for easy maintenance
Chậu đặt âm bàn, dễ dàng lau chùi
- Stain Resistant, Easy-to-clean Surface with CEFIONTECT Technology
Lớp men CEFIONTECT dễ dàng lau chùi, vệ sinh

Specifications Tiêu chuẩn kỹ thuật

Faucet hole: Lỗ bắt vòi:	At the marble Trên bàn
Faucet hole diameter: Đường kính lỗ bắt vòi	Ø35 (mm)
Overflow hole: Lỗ xả tràn:	Yes Có
Product dimension: Kích thước sản phẩm	L380 x W590 x H207 (mm)
Material: Vật liệu:	Vitreous china Sứ vệ sinh

Parts description Danh mục phụ kiện

- Lavatory/ Thân chậu LW1536V
- Lavatory body/ Thân sứ LW1536B
- Bracket/ Giá đỡ *TL516GV

* The part is not packed into the lavatory box.
Phụ kiện không đóng gói cùng thân chậu

Colors Màu sắc

White (cefiontect)/ Trắng (cefiontect)

Optional/ Tùy chọn

Faucets/ Vòi chậu	Trap Ống thải	(A)
TS222A, TS240A, TS205A, TS260A, TS561A, DL345A	TVLF401	300~315
DGL301, DGL301R, DL354, DL342, TTLR302F-1R, TTLR301F-1R	TVLF401	320~335
TVLM102NS	TVLF401	340~355
TX115LFBR, TX108LHBR, TX108LDN, TX115LESBR, TX115LELBR, TTLR302F-1N, TTLR301F-1N, TX115LU, TTLR303F-1, TVLM108RU, TLCL301F-1, TVLM105CR	TVLF402 THX1A-8V2	350~365
TLG01301V, TLG02301V, TLG03301V, TLG04301V, TLS01301V, TLS02301V	TVLF401	305~320
TEN40AV800, TEN12AV800, TEXN10AV300, TEXN20ALV300, TEN22AWR, TX109LD, TS105B13, TS100N, TS135, TVLC101NS, DLE117AV800, TTLA101/TTLA101E2L, TTLA101/TTLA101B2L, TTLA102/TTLA101E2L, TTLA102/TTLA101B2L	TVLF405	295~310
TEN51AW, TEN41AW	T7PW1	350~365
TLG07301V, TLG08301V, TLG09301V, TLG10301V, TLG11301V, TLG07303V, TLG08303V, TLG09303V, TLG10303V, TLG11303V	TVLF401	338~353
TLE20006A, TLE21006A, TLE22006A, TLE24006A, TLE25006A, TLE26006A, TLE27002A, TLE28002A, TLE29002A, TLE24010A, TLE25010A, TLE26010A	TVLF405	295~310

Notice: Ensure that A dimension is extract when setting trap.
Chú ý: Để lắp đặt ống thải phải đảm bảo kích thước (A).